

Bản án số: 153/2021/HS-PT
Ngày 01-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Ông Cao Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 180/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Hoàng H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo: Phạm Hoàng H (tên gọi khác: Thương E) sinh ngày 19 tháng 12 năm 1979 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số X, đường L, tổ Y, khu phố Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Thạch Thị A; chưa có vợ, con; tiền án: ngày 05/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST); tiền sự: không; nhân thân: ngày 19/4/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 35/HSST); ngày 10/7/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” (theo Bản án hình sự phúc thẩm số 94/2008/HSPT) và ngày 24/9/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2014/HSPT); bị tạm giam từ ngày 22/02/2021 đến nay (có mặt).

Ngoài ra, có 02 bị hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến

kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hoàng H là con ruột của bà Thạch Thị A và là anh ruột của bà Phạm Thị Ánh H1. Ngày 02/02/2021, H mượn xe mô tô của bà H1 và ngày 18/02/2021, H mượn xe mô tô của bà A để sử dụng, sau đó không trả lại xe cho bà A và bà H1 mà mang xe đi cầm cố lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 02/02/2021, H mượn xe mô tô hiệu KYMCO, biển số 61AA-M của bà H1 để đi công việc. Bà H1 đưa chìa khóa, giấy chứng nhận đăng ký xe cho H. H điều khiển xe đến chợ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương ăn sáng. Đến khoảng 07 giờ 45 phút cùng ngày, H hỏi những người ngồi ăn sáng cùng xem có ai nhận cầm cố xe thì được ông Lê Thanh S đồng ý nhận cầm cố. H nói với ông S là xe của em gái cho H mượn để đi cầm cố. H cầm cố xe mô tô cho ông S được 11.000.000 đồng. Sau khi cầm cố xe, H không về nhà mà bỏ trốn. Đến tối ngày 11/02/2021, H về nhà nói với bà H1 là H đã cầm cố xe. Bà H1 yêu cầu H đi chuộc xe về trả cho bà H1 nhưng H không thực hiện.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/02/2021, H mượn xe mô tô hiệu SYMEX 50, biển số 61AA-N của bà A để đi công việc. H điều khiển xe đi chơi ở nhiều nơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H đến uống nước tại quán nước mía của bà Hồ Thị Thùy D trên đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong lúc uống nước, H hỏi bà D có ai nhận cầm cố xe không thì bà D hỏi H có bán xe không. H nói với bà D là xe của gia đình cho, H không mang theo giấy tờ, để H về nhà lấy giấy tờ rồi mới bán. Nhưng sau đó, H lại nói bà D cầm cố xe với giá 5.000.000 đồng, bà D chỉ đồng ý nhận cầm cố cho H với số tiền 3.100.000 đồng, H đồng ý. Lúc này, H viết giấy bán xe cho bà D mà không viết giấy cầm cố xe. Sau khi cầm cố xe mô tô của bà A, H không về nhà mà bỏ trốn.

Đến ngày 22/02/2021, H đến Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đầu thú. Ngày 22/02/2021, bà H1 và bà A có đơn trình báo đến Công an phường P về việc bị H chiếm đoạt tài sản.

Cùng ngày 22/02/2021, ông S đến Công an phường P giao nộp xe mô tô biển số 61AA-M, bà D giao nộp xe mô tô biển số 61AA-N và 01 giấy mua bán xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KLTS-TTHS ngày 05/3/2021, Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận: xe mô tô hiệu SYMEX50, biển số 61AA-N trị giá 17.000.000 đồng và xe mô tô hiệu KYMCO, biển số 61AA-M trị giá 20.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông S khai nhận khi nhận cầm cố xe mô tô biển số 61AA-M, H nói là xe do em gái của H cho mượn để đi cầm cố, vài ngày sẽ

chuộc lại. Bà D khai nhận khi cầm cổ xe mô tô biển số 61AA-N, H nói là xe của gia đình đã cho H nhưng hiện tại H không đem theo giấy tờ. Để làm tin, H viết giấy mua bán xe mà không viết giấy cầm cổ xe và nhận trước số tiền 3.100.000 đồng, H về lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô thì bà D sẽ đưa số tiền còn lại.

Ông S yêu cầu H trả lại số tiền 11.000.000 đồng và bà D yêu cầu H trả lại số tiền 3.100.000 đồng.

Ngày 25/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương đã trả lại xe cho bà H1 và bà A.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/02/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, bị cáo Phạm Hoàng H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá cao, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; bị cáo bị bệnh hiểm nghèo (HIV), có cha mẹ già yếu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 27 tháng 9 năm 2021, bị cáo H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Ngày 02/02/2021 và ngày 18/02/2021, bị cáo H đã mượn 02 xe mô tô của bị hại A và bị hại H1 để sử dụng, sau đó cầm cổ xe. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 37.500.000 đồng. Bị cáo phạm tội 02 lần và có 01 tiền án thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo có nhân thân xấu, 03 lần bị xét xử về các tội khác nhau. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị

cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo tự bào chữa: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì bị cáo không biết lấy xe của người nhà đi cầm cố là vi phạm; bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, có cha mẹ già.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo thấy hành vi của bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo để bị cáo sớm được về phụng dưỡng cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: ngày 02/02/2021, bị cáo H đã mượn xe mô tô hiệu KYMCO, biển số 61AA-M của bà Phạm Thị Ánh H1 và ngày 18/02/2021, bị cáo H đã mượn xe mô tô hiệu SYMEX 50, biển số 61AA-N của bà Thạch Thị A để sử dụng, sau đó bị cáo không trả lại tài sản cho bà A và bà H1 mà mang xe đi cầm cố lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân rồi bỏ trốn. Tổng giá trị tài sản 02 xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 37.500.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Ngày 19/4/2001, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 35/HSST). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu thập tài liệu để xác

định bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và thi hành xong án phí, trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 94/2008/HSPT ngày 10/7/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2014/HSPT ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (các bản án này đã có hiệu lực pháp luật) đã xác định bị cáo không còn tiền án, tiền sự đối với lần bị kết án năm 2001. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ xác định bị cáo không còn tiền án đối với lần phạm tội vào năm 2001.

[6] Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Trong đơn kháng cáo bị cáo trình bày bị cáo bị bệnh hiểm nghèo (HIV), có cha mẹ già yếu. Tuy nhiên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng cho bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần và tái phạm. Ngoài ra, bị cáo từng nhiều lần bị xét xử về nhiều loại tội phạm nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Về trách nhiệm hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hoàng H, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2021/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Phạm Hoàng H.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/02/2021.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Phạm Hoàng H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương.
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, NTN, 17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hoàng